

1. MÔN TOÁN 8 – TUẦN 6

Tiết 11,12. Bài 8. PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP NHÓM HẠNG TỬ.

1. Ví dụ:

Phân tích đa thức sau thành nhân tử

a) $x^2 - 3x + xy - 3y$

b) $2xy + 3z + 6y + xz$

Giải:

a) $x^2 - 3x + xy - 3y = (x^2 - 3x) + (xy - 3y) = x(x - 3) + y(x - 3) = (x - 3)(x + y)$

b) $2xy + 3z + 6y + xz = (2xy + 6y) + (3z + xz) = 2y(x + 3) + z(x + 3) = (x + 3)(2y + z)$

Cách làm như trên được gọi là phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử.

2. Áp dụng:

?1.

$15.64 + 25.100 + 36.15 + 60.100 = (15.64 + 36.15) + (25.100 + 60.100) = 15.(64 + 36) + 100.(25 + 60) = 1500 + 8500 = 10000$

Bài 47:

a) $x^2 - xy + x - y = (x^2 - xy) + (x - y) = x(x - y) + (x - y) = (x - y)(x + 1)$

b) $xz + yz - 5(x + y) = z(x + y) - 5(x + y) = (x + y)(z - 5)$

Bài 48:

a) $x^2 + 4x - y^2 + 4 = (x^2 + 4x + 4) - y^2 = (x + 2)^2 - y^2 = (x + 2 + y)(x + 2 - y)$

b) $3x^2 + 6xy + 3y^2 - 3z^2 = 3(x^2 + 2xy + y^2 - z^2) = 3[(x + y)^2 - z^2] = 3(x + y + z)(x + y - z)$

Bài tập về nhà:

Bài 49, bài 50 (SGK trang 22,23)

Tiết 11,12. Bài 7. HÌNH BÌNH HÀNH

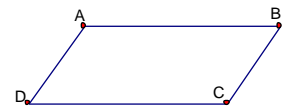
1. Định nghĩa

?1. Các cạnh đối của tứ giác ABCD trên hình 66 song song với nhau.

Định nghĩa:

Hình bình hành là tứ giác có các cạnh đối song song.

Tứ giác ABCD là hình bình hành $\Leftrightarrow \begin{cases} AB // CD \\ AD // BC \end{cases}$



Chú ý: Hình bình hành là một hình thang đặc biệt.

2. Tính chất:

?2. Hình bình hành ABCD(hình 67) có:

$AB=CD; AD=BC$

$\hat{A} = \hat{C}; \hat{B} = \hat{D}$

AC và BD cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

Tính chất:

Trong hình bình hành:

a) Các cạnh đối bằng nhau.

b) Các góc đối bằng nhau.

c) Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

3. Dấu hiệu nhận biết:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

1. Tứ giác có các cạnh đối song song là hình bình hành.
2. Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.
3. Tứ giác có hai cạnh đối song song và bằng nhau là hình bình hành.
4. Tứ giác có các góc đối bằng nhau là hình bình hành.
5. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường là hình bình hành.

Bài 44

Vì ABCD là hình bình hành nên $AD=CB$

Hay $2AE=2CF$

Suy ra $AE=CF$

Xét $\hat{F}_1 = \hat{D}_1$ $\triangle ABE$ và $\triangle CDF$ có

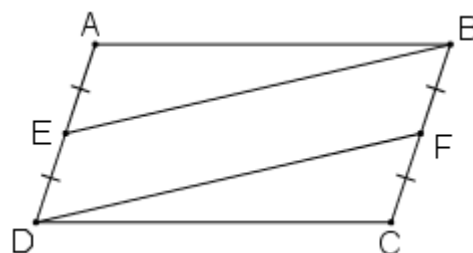
$AB=CD$ (vì ABCD là hình bình hành)

$AE=CF$ (chứng minh trên)

$\hat{A} = \hat{C}$ (vì ABCD là hình bình hành)

Suy ra $\triangle ABE = \triangle CDF$ (c-g-c)

Do đó $BE=DF$



Bài 45.

a) Ta có:

+ ABCD là hình bình hành

$\Rightarrow AB \parallel CD \Rightarrow \hat{B}_1 = \hat{F}_1$ (Hai góc so le trong) (1)

+ DE là tia phân giác của góc D

$\Rightarrow \hat{D}_1 = \frac{1}{2} \hat{D}$

+ BE là tia phân giác của góc B

$\Rightarrow \hat{B}_1 = \frac{1}{2} \hat{B}$

Mà $\hat{B} = \hat{D}$ (vì ABCD là hình bình hành)

Do đó $\hat{B}_1 = \hat{D}_1$ (2)

Từ (1) và (2) suy ra $\hat{F}_1 = \hat{D}_1$

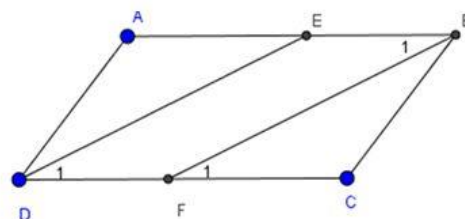
Mà hai góc này ở vị trí đồng vị $\Rightarrow DE \parallel BF$ (đpcm)

b) Tứ giác DEBF có:

$DE \parallel BF$ (chứng minh ở câu a)

$BE \parallel DF$ (vì $AB \parallel CD$)

\Rightarrow DEBF là hình bình hành.



Bài tập về nhà:

Bài 47; bài 48; bài 49 (SGK trang 93)

2. MÔN NGỮ VĂN 8 – TUẦN 6

TIẾT 21 – TLV: MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

1. Ví dụ: (Các em đọc ví dụ trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi)

2. Nhận xét:

- Nội dung: Kể lại cuộc gặp gỡ đầy cảm động của nhân vật “tôi” với người mẹ lâu ngày xa cách.
- Kể: tập trung nêu sự việc, hoạt động, nhân vật.
- Tả: Chỉ ra tính chất, màu sắc, mức độ sự việc, nhân vật, hoạt động.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

- Biểu cảm: bày tỏ tình cảm, cảm xúc, thái độ trước sự vật, hiện tượng...
 - Trong văn tự sự, khi kể tác giả thường đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm.
 - Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn
- * Ghi nhớ: SGK (Các em học thuộc nghi nhớ)

II. Luyện tập(Gợi ý)

Bài 1:-Yếu tố miêu tả : Mặt lão... hu hu khóc

-> Miêu tả bộ dạng lão Hạc -> Tâm trạng đau đớn, xót xa khi bán cậu vàng.

- Yếu tố biểu cảm : Hỡi ơi!... đáng buồn

-> Cảm xúc của ông Giáo khi nghe tin lão Hạc xin bã chó của Binh Tư.

Bài 2: Viết đoạn văn ngắn kể lại giây phút đầu tiên gặp lại người thân (Các em tự viết vào vở)

Hướng dẫn về nhà: - Học bài cũ

- Chuẩn bị: Văn bản:Đánh nhau với cối xay gió.

Tiết 22 + 23 Văn bản: ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ

(Trích Đôn- ki- hô-tê)

(Xéc- van-tét)

I. Tác giả - tác phẩm:

1. Tác giả

- Xéc-van-tét(1547 -1616)
- Là nhà văn nổi tiếng của Tây Ban Nha và thế giới.
- Tác phẩm tiêu biểu của ông là bộ tiểu thuyết “ Đôn ki – hô-tê.

2. Tác phẩm.

- Gồm 126 chương, sáng tác 1605 -1615.
- Văn bản “ Đánh nhau với cối xay gió” được trích từ chương 8 của tác phẩm này.

II. Đọc – Tìm hiểu chung văn bản:

1. Đọc - Tóm tắt đoạn trích:

2. Từ khó:

3. Bố cục 3 phần

- **Phần 1** : Từ đầu -> “Không phải là bọn khổng lồ đâu”=> Trước trận đấu với cối xay gió
- **Phần 2** : Tiếp theo -> “Toạc nửa vai”.=> Diễn biến của trận đấu
- **Phần 3** : Còn lại => Sau khi đánh nhau với cối xay gió

III. Tìm hiểu văn bản

1. Sự tương phản giữa hai thầy trò Đôn Ki-hô-tê và Xan-chô Pan-xa

| Sự việc | Đôn-ki-hô-tê | Xan-chô |
|---------------------------|--|--|
| Xuất thân | Quý tộc. | Nông dân. |
| Hình thức | Gầy gò, cao lênh khênh, cưỡi trên lưng con ngựa còm. | Béo lùn, cưỡi trên lưng con lừa thấp tè. |
| Khi nhìn thấy cối xay gió | - Cho rằng đó là những tên khổng lồ quái, hung hãn-> đầu óc mê muội. - Xông vào đánh. (Dũng cảm) ->Khát vọng tiêu diệt cái xấu, cái ác, bảo vệ cái tốt đẹp -> cao thượng, tốt đẹp | - Khẳng định đó là những chiếc cối xay gió-> đầu óc tỉnh táo. - Ra sức can ngăn Đ.(hèn nhát) -> Ham muốn: giàu có, được làm chủ vài hòn đảo. -> thực dụng, tầm thường. |

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

| | | |
|---------------------|---|--|
| Khi bị đau. | Không kêu đau (giống hiệp sĩ) | Hoi đau là rên rỉ ngay. |
| Vấn đề ăn (khi đói) | - Ko cần ăn. - Chỉ cần nhớ đến người yêu cũng đủ no rồi. (hảo huyền) | - Ăn cho thật no mới thôi. (thiết thực) |
| Vấn đề ngủ | - Thức trắng đêm không ngủ, đọc sách. - Nghĩ tới tình nương | - Ngủ một mạch đến sáng |
| Đặc điểm tính cách | Có khát vọng và lí tưởng cao đẹp nhưng hoang tưởng. Tuy nhiều khía cạnh tốt đẹp nhưng do ngôn quá nhiều truyện xấu nên Đôn-ki-hô -tê trở thành nhân vật nực cười, đáng trách nhưng cũng đáng thương. | Chất phác nhưng thực dụng, chỉ chăm lo lợi ích cá nhân tầm thường. |

Hai nhân vật được xây dựng trên cơ sở tương phản, đối lập nhau để làm nổi bật nhau lên.
- Giọng điệu phê phán, hài hước.

2. Ý nghĩa văn bản

- Không thể hoang đường hoặc quá thực dụng.
- Trong cuộc sống cần biết tinh táo nhưng cao thượng và có lí tưởng sống cao đẹp.

III. Tổng kết: (Ghi nhớ SGK/T 80)

* Nghệ thuật (Cần lưu ý)

- Thủ pháp đối lập tương phản đặc sắc.
- Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.
- Cách kể chuyện hấp dẫn, dí dỏm, hài hước.

Hướng dẫn về nhà: -Học bài, làm phần luyện tập cuối văn bản
-Chuẩn bị: **Tình thái từ.**

TIẾT 24:Tiếng Việt: TÌNH THÁI TỪ

I/ Tình thái từ

1/ **Ví dụ**(Các em đọc ví dụ và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa)

2/ Nhận xét:

Các từ: chứ, nhé, sao, à.

-> Tạo câu nghi vấn,câu cầu khiến, câu cảm thán, biểu thị sắc thái biểu cảm.

=> Tình thái từ:

Tình thái từ là những từ được thêm vào trong câu để cấu tạo nên câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán hoặc để biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.

*** Các loại tình thái từ.**

- Tình thái từ nghi vấn: *à, u, hử, chứ, hả, chẳng..*
- Tình thái từ câu khiến: *nào, đi, với...*
- Tình thái từ cảm thán: *sao, thay...*
- Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm: *à, nhé, cơ, mà...*

* **Ghi nhớ 1: SGK**

II. Sử dụng tình thái từ.

Cần sử dụng tình thái từ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp (quan hệ tuổi tác, thứ bậc xã hội, tình cảm...)

* Ghi nhớ 2: SGK

III. Luyện tập.(Gợi ý)

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

BT1: Cắt tình thái từ trong các câu : b, c, e, i.

BT3: Đặt câu

- Vào học thôi, các bạn ơi!
- Anh hỏi tôi chuyện gì cơ?

BT4: Đặt câu

- Em chào cô ạ!

Hướng dẫn về nhà: - Làm bài tập 2, 3, 4 (còn lại trong SGK)

- Học bài cũ: *Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.*

- Chuẩn bị: **Luyện tập viết đoạn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.**

3. MÔN ANH 8 – TUẦN 6

Week 6: Unit 3 (A closer look 1, A closer look 2, Communication)
16,17,18

Period:

UNIT 3: PEOPLES OF VIETNAM

B. A CLOSER LOOK 1

I. VOCABULARY

1. Match the adjs in A with their opposites in B

1.d 2.c 3.g 4.a 5.f 6.e 7.b

2. Use some words from 1 to complete the sentences

1.written 2.traditional 3.important 4.simple, basic 5.rich

3. Work in pairs. Discuss what the word is for each picture. The first and the last letters of each word are given.

1. ceremony 2. pagoda 3. temple (Ly Son)
4. waterwheel (in the north) 5. shawl (of the Thai women) 6. basket (of the Sedang)

II. PRONUNCIATION Clusters: /sk/, /sp/, and /st/

4. Listen and repeat the words

5. Listen again and put them in the right column according to their sounds

| /sk/ | /sp/ | /st/ |
|------------|---------|---------|
| skateboard | Speech | Stamp |
| School | Display | First |
| Basket | Crisp | Station |
| task | Space | Instead |

6. Listen and read the following sentences. Then underline the words with the sounds /sk/, /sp/, or/st/.

1. The Hmong people I met in Sa Pa speak English very well.
2. You should go out to play instead of staying here.
3. The local speciality is not very spicy.
4. Many ethnic minority students are studying at boarding schools.
5. Most children in far-away villages can get schooling.

C. A CLOSER LOOK 2

I. GRAMMAR

1. **Which** is use instead of **what** or **who** to ask somebody to be exact about one or more people or things from a limited number.
(*Which* được dùng để thay thế cho *what* và *who* khi muốn đưa ra câu hỏi lựa chọn một hay nhiều người hoặc vật trong một số lượng giới hạn nhất định mà cả người hỏi và người được hỏi đều nắm rõ.)

Example: *Which of you have visited the Temple of Literature?
Which dish do you prefer, 'pho' or 'bun'?*

2. Articles: a, an, the

- Mạo từ **a** chỉ được sử dụng trước các (cụm) danh từ đếm được số ít và mang nghĩa là một, mỗi, từng hay bất kỳ. Đồng thời, từ đứng ngay sau **a** phải bắt đầu bằng một phụ âm.

- Mạo từ **an** chỉ được sử dụng trước các (cụm) danh từ đếm được số ít và mang nghĩa là một, mỗi, từng hay bất kỳ. Đồng thời, từ đứng ngay sau **an** phải bắt đầu bằng một nguyên âm.

- Mạo từ **the** đứng trước những (cụm) danh từ mà người đọc và người nghe đều dễ dàng biết được đối tượng mà nó nhắc đến. **The** cũng đứng trước (cụm) danh từ được nhắc đến trước đó hoặc (cụm) danh từ chỉ những khái niệm duy nhất. Đặc biệt, chúng ta luôn dùng **the** trước tính từ hoặc trạng từ ở dạng so sánh nhất.

- Chú ý: Sự khác biệt duy nhất giữa **a** và **an** phụ thuộc vào **cách phát âm** của từ đi ngay sau chúng, **không phải chính tả**.

Example: an hour / a house
a university / an umbrella

B. PRACTISE

1. Read the passage.

2. Now write questions for these answer.

1. Who is living in the house?
2. How many children do they have?
3. Do the grandparents stay at home?
4. How often does Mrs. Pha go shopping?
5. How far is Vang's boarding school? /How far is the town?
6. When does Vang go home (every week)?
7. How do they live?
8. Would they like to live (in a modern flat) in the city?

3. Complete the questions using the right question words.

1. Who 2. Which 3. Which 4. Which 5. What

4. Work in pairs. Make questions and answer them.

*** Questions:**

1. Who does the shopping in your family?
2. Who is the principal of our school?
3. Which subject do you like better, English or Math?
4. What is the most important festival in Viet Nam?
5. Which ethnic group has a larger population, the Khmer or the Cham?

*** Answers:**

- 1-2-3. (Ss's own answers)
4. The Lunar New Year
5. The Khmer: 1,260,600 (The Cham: 161,700)

5. Circle the correct article to finish the sentences.

- 1.a 2.the 3.the 4.the 5.the 6.a

6. Insert a, an or the in each gap to finish the passage.

- 1.a 2.a/the 3.the 4.an/the 5.the 6.a

D. COMMUNICATION

1. Quiz: What do you know about the ethnic groups of Viet Nam? Work in pairs to answer the questions.

1. B 2. A 3. C 4. B 5. C 6. A

2. Where do these ethnic groups mainly live? Work in groups. Write down the names of the ethnic group in the correct boxes. Can you add more?

- Northwest region: Viet, Hmong, Lao
- Northeast region: Viet, Hmong, Tay, Nung
- Red River Delta: Viet
- The central Highland: Viet, Bahnar, Brau, Ede, Giarai, Sedang
- Mekong River Delta: Viet, Cham, Khmer.

3. Choose one group and talk about them.

The Viet live everywhere in the country. They have the largest population. They have many kinds of food from North to South. They often celebrate many festivals during the year. They have the traditional costume: Ao Dai, Ao Ba Ba.

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.

4. MÔN VẬT LÝ 8 – TUẦN 6

Bài 5: SỰ CÂN BẰNG LỰC - QUÁN TÍNH

I. Lực cân bằng

1. Hai lực cân bằng là gì?

Hai lực cân bằng là 2 lực cùng đặt lên 1 vật có cường độ bằng nhau, phương nằm trên cùng 1 đường thẳng chiều ngược nhau.

* Dưới tác dụng của 2 lực cân bằng vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên.

2. Tác dụng của hai lực cân bằng lên một vật đang chuyển động

a. Dự đoán.

b. Thí nghiệm.

Từ TN ta thấy rằng một vật đang chuyển động mà chịu tác dụng của 2 lực cân bằng sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.

II. Quán tính

1. Nhận xét:

Khi có lực tác dụng, mọi vật đều không thể thay đổi vận tốc đột ngột được vì mọi vật đều có quán tính .

2. Vận dụng

C6:...

C7:...

C8:...

Ghi nhớ:

- ◆ Hai lực cân bằng là hai lực cùng đặt lên một vật, có cường độ bằng nhau, phương nằm trên cùng một đường thẳng, chiều ngược nhau.
- ◆ Dưới tác dụng của các lực cân bằng, một vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên ; đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều. Chuyển động này được gọi là chuyển động theo quán tính.
- ◆ Khi có lực tác dụng, mọi vật không thể thay đổi vận tốc đột ngột được vì có quán tính.

5. MÔN HÓA HỌC 8 – TUẦN 6

Bài 9: CÔNG THỨC HOÁ HỌC

A. Nội dung bài học:

I. Công thức hoá học của đơn chất:

1. Đơn chất kim loại:

Hạt hợp thành là nguyên tử nên ký hiệu hoá học được coi là công thức hoá học.

Ví dụ: Công thức hóa học của kim loại đồng là Cu

Công thức hóa học của kim loại natri là Na.

Công thức hóa học của kim loại kẽm là Zn.

2. Đơn chất phi kim:

- Phi kim rắn: Hạt hợp thành là nguyên tử nên ký hiệu hoá học là công thức hoá học.

Ví dụ: Công thức hóa học của phi kim cacbon là C.

Công thức hóa học của phi kim loại photpho là P.

Công thức hóa học của phi kim loại lưu huỳnh là S.

-Phi kim khí, lỏng: Hạt hợp thành là phân tử (Thường là 2) nên công thức hóa học là ký hiệu hóa học và thêm chỉ số ở chân ký hiệu.

Ví dụ: Công thức hóa học của khí oxi là O₂

Công thức hóa học của khí hiđrô là H₂.

Công thức hóa học của khí nitơ là N₂.

*Công thức: chung của đơn chất

A_x : - A là kí hiệu hóa học của nguyên tố.

- x là số nguyên tử

II. Công thức hoá học của hợp chất:

- Công thức hoá học của hợp chất gồm ký hiệu của những nguyên tố tạo ra chất, kèm theo chỉ số ở chân.

Tổng quát: A_xB_y hoặc A_xB_yC_z,...

Ví dụ: H₂O, CO₂, NaCl.

***Lưu ý:** CaCO₃ thì CO₃ là nhóm nguyên tử.

III. Ý nghĩa của công thức hoá học:

*Mỗi công thức hoá học chỉ 1 phân tử của chất cho biết:

-Nguyên tố nào tạo ra chất.

-Số nguyên tử của mỗi nguyên tố trong 1 phân tử chất.

-Phân tử khối của chất.

B. Hướng dẫn về nhà:

* Học bài.

* Làm bài tập: 1,2,3,4 trang 33, 34 SGK

* HS hoàn thành bài tập điền bảng sau:

| Công thức hoá học | Số Ntử của mỗi Ntố | Phân tử khối của chất |
|-------------------|--------------------|-----------------------|
| SO ₃ | | |
| CaCl ₂ | | |
| | 2Na, 1S, 3O | |
| | 1Ag, 1N, 3O | |

Bài 10: HOÁ TRỊ (T1)

A. Nội dung bài học:

I. Hoá trị một nguyên tố được xác định như thế nào?

*** Cách xác định:**

+ Quy ước: Gán cho H hoá trị I, chọn làm đơn vị.

+ Một nguyên tử của nguyên tố khác liên kết với bao nhiêu nguyên tử Hidro thì nói nguyên tố đó có hoá trị bằng bấy nhiêu.

Ví dụ : HCl: Cl hoá trị I.

H₂O: O.....II

NH₃: NIII

CH₄: CIV

+ Dựa vào khả năng liên kết của các nguyên tố khác với O. (Hoá trị của oxi bằng 2 đơn vị, Oxi có hoá trị II).

Ví dụ: K₂O: K có hoá trị I.

BaO: BaII.

SO₂: SIV.

-Hoá trị của nhóm nguyên tử:

Ví dụ: HNO₃: NO₃ có hoá trị I.

Vì :Liên kết với 1 nguyên tử H.

H₂SO₄: SO₄ có hoá trị II.

HOH : OHI

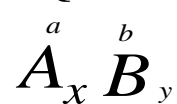
H₃PO₄: PO₄.....III.

* **Kết luận:** Coi nhóm nguyên tử như một nguyên tố bất kỳ.

* **Kết luận:** Hoá trị của nguyên tố (hay nhóm nguyên tử) lafcon số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử (hay nhóm nguyên tử), được xá định theo hóa trị của H chọn làm một đơn vị và hóa trị của O là hai đơn vị.

II. Quy tắc hoá trị:

1. QUI TẮC



Ta có biểu thức:

$$x \cdot a = y \cdot b$$

Kết luận: Trong CTHH, tích của chỉ số và hóa trị của nguyên tố này bằng tích của chỉ số và hóa trị của nguyên tố kia.

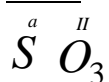
-Quy tắc này đúng cho cả B là nhóm nguyên tử.

2. Vận dụng:

a. Tính hoá trị của một nguyên tố:

Vd 1: Tính hóa trị của S có trong SO₃

Giải:



Áp dụng qui tắc hóa trị ta có: $1 \cdot a = 3 \cdot II$

$\rightarrow a = VI$

Vậy hóa trị của S có trong SO₃ là: VI

B. Hướng dẫn về nhà:

* Học bài.

* Làm bài tập: 1, 2 trang 37 SGK

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

* Xác định hoá trị của nguyên tố hoặc nhóm nguyên tử trong các công thức sau: H_2SO_4 , N_2O_5 , MnO_2 , PH_3 , MgO theo quy tắc hoá trị (biết hoá trị H là I, O là II)

* Xem trước bài 10 (TT)

6. MÔN SINH HỌC 8 – TUẦN 6

Bài 11: TIẾN HOÁ CỦA HỆ VẬN ĐỘNG. VỆ SINH HỆ VẬN ĐỘNG

I. Sự tiến hoá bộ xương người so với xương thú:

Bộ xương người cấu tạo hoàn toàn phù hợp với tư thế đứng thẳng và lao động :

- Hộp sọ phát triển.
- Lồng ngực nở rộng sang hai bên, cột sống cong 4 chỗ.
- Xương chậu nở, xương đùi lớn, xương gót phát triển, bàn chân hình vòm.
- Chi trên có khớp linh hoạt, ngón cái đối diện với 4 ngón kia.

II. Sự tiến hoá của hệ cơ người so với hệ cơ thú: (không học)

III. Vệ sinh hệ vận động: Đề cơ và xương phát triển cân đối cân:

- + Chế độ dinh dưỡng hợp lí.
- + Thường xuyên tiếp xúc với ánh nắng.
- + Rèn luyện thân thể và lao động vừa sức.
- + Mang vác đều 2 tay, tư thế làm việc và ngồi học ngay ngắn để chống cong vẹo cột sống.

BÀI 12: THỰC HÀNH

TẬP SƠ CỨU VÀ BĂNG BÓ CHO NGƯỜI GÃY XƯƠNG

- Gãy xương do nhiều nguyên nhân.
- Khi bị gãy xương phải sơ cứu tại chỗ, không được nắn bóp bừa bãi và chuyển ngay nạn nhân vào cơ sở y tế.

1. Phương pháp sơ cứu:

- Đặt nẹp tre (gỗ) vào chỗ xương gãy.
- Lót vải mềm, gấp dày vào chỗ đầu xương.
- Buộc định vị 2 chỗ đầu nẹp và 2 bên chỗ xương gãy.

2. Băng bó cố định :

- Với xương cẳng tay: dùng băng quấn chặt từ trong ra cổ tay, sau đó làm dây đeo cẳng tay vào cổ.
- Với xương chân: băng từ cổ chân vào. Nếu là xương đùi thì dùng nẹp tre dài từ sườn đến gót chân và buộc cố định ở phần thân.

7. MÔN LỊCH SỬ 8 – TUẦN 6

Bài 5

CÔNG XÃ PARI 1871

I. Sự thành lập công xã.

1. Hoàn cảnh ra đời của Công xã.

- 1870 chiến tranh Pháp – Phổ diễn ra -> Pháp thất bại .
- 9/1870 Hoàng đế Na-pô-lê-ông III cùng toàn bộ 10 vạn quân chủ lực bị Phổ bắt làm tù binh.
- 4/9/1870 nhân dân Pa-ri khởi nghĩa, chính quyền Na-pô-lê-ông III bị lật đổ -> chính phủ lâm thời tự sản được thành lập.

- 1871 khi quân Phổ kéo vào nước Pháp:
- + Chính phủ tư sản hèn nhát xin đình chiến.
- + Nhân dân Pa-ri kiên quyết chiến đấu để bảo vệ Tổ Quốc.

2. Cuộc khởi nghĩa 18- 3- 1871. Sự thành lập Công xã.

- 18/3/1871 quân chúng Pa-ri tiến hành khởi nghĩa.
- 26/3/1871 nhân dân Pa-ri tiến hành bầu cử Hội đồng công xã.
- Khởi nghĩa 18-3-1871 là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, lật đổ giai cấp tư sản đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền.

II. Tổ chức bộ máy và chính sách của Công xã pa-ri. *HS tự học*

III. Ý nghĩa lịch sử Công xã Pa- ri.

- Cổ vũ nhân dân lao động thế giới trong sự nghiệp đấu tranh.
- Công xã để lại nhiều bài học quý báu:
 - + Cách mạng vô sản muốn thắng lợi phải có Đảng chân chính lãnh đạo.
 - + Thực hiện liên minh công nông.
 - + Kiên quyết trấn áp kẻ thù, xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Bài 6

CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MỸ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

I. Tình hình các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ.

1. Anh.

a. Kinh tế:

- Trước 1870 Anh đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. Từ sau 1870, Anh mất dần vị trí này và tụt xuống hàng thứ ba thế giới (sau Mỹ, Đức).
- Tuy nhiên, Anh vẫn đứng đầu thế giới về xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa. Nhiều công ty độc quyền về công nghiệp và tài chính ra đời, chi phối toàn bộ nền kinh tế.

b. Chính trị:

- Là nước quân chủ lập hiến, hai Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ thay nhau cầm quyền, bảo vệ quyền lợi giai cấp tư sản.

* *Đối ngoại:* Đẩy mạnh chính sách xâm lược thuộc địa. Đến 1914 thuộc địa Anh trải rộng khắp thế giới.

=> Lênin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là “*chủ nghĩa đế quốc thực dân*”.

2. Pháp.

a. Kinh tế:

- Sau năm 1870 công nghiệp chậm phát triển, tụt xuống hàng thứ 4 thế giới (sau Mỹ, Đức, Anh).

- Đến đầu thế kỉ XX, ở Pháp nhiều công ty độc quyền ra đời chi phối nền kinh tế Pháp, đặc biệt là lĩnh vực ngân hàng.

- Lênin gọi chủ nghĩa đế quốc Pháp là “*chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi*”.

b. Chính trị:

- Nền cộng hoà thứ ba được thành lập, thi hành các chính sách đàn áp nhân dân, tích cực xâm lược thuộc địa.

8. MÔN ĐỊA LÝ 8 – TUẦN 6

Bài 5: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

1. Một châu lục đông dân nhất thế giới:

- Châu Á có số dân đông nhất thế giới.
- Là châu lục có số dân đông, tăng nhanh, mật độ cao.

2. Dân cư thuộc nhiều chủng tộc:

- Dân cư chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it và số ít thuộc chủng tộc Ôrôpêôit và Ôxtralôit.
- Các chủng tộc chung sống bình đẳng trong hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội.

3. Nơi ra đời của các tôn giáo: (HS tự học)

Hs có thể tham khảo bảng sau:

| Tôn giáo | Địa điểm ra đời | Thời điểm ra đời | Thần linh được tôn thờ | Khu vực phân bố chính ở châu Á |
|--------------------|----------------------|-------------------|------------------------|--------------------------------|
| 1. Ấn độ giáo | Ấn Độ | 2500 Tr-CN | Đấng tối cao Bà La Môn | Ấn Độ |
| 2. Phật giáo | Ấn Độ | TK VI Tr-CN (545) | Phật Thích ca | Đông Nam Á Đông Á |
| 3. Thiên Chúa giáo | Palexтин (Be-lê-hem) | Đầu CN | Chúa Giê-xu | Philipin |
| 4. Hồi giáo | Méc-ca Arập Xê út | TK VII sau CN | Thánh A-la | Nam Á Indônêxia Malaysia |

3. Luyện tập

- Tìm số dân VN năm 1950, biết số dân năm 2000 là 78 triệu người và mức tăng dân số từ 1950 đến 2000 tương đối là 229%.

4. Vận dụng: Hoàn thành sơ đồ tư duy, chất vấn HS-HS, GV-HS.

- 5. Mở rộng:** Học bài xem trước bài 6: Đọc và phân tích lược đồ phân bố dân cư và thành phố lớn của châu Á.

9. MÔN CÔNG NGHỆ 8 – TUẦN 6

**Tiết 11: Bài 12. BÀI TẬP THỰC HÀNH
ĐỌC BẢN VẼ CHI TIẾT CÓ REN**

I. Chuẩn bị

- Dụng cụ: thước kẻ, compa
- Vật liệu: Giấy A4, bút chì, tẩy, giấy nháp
- SGK, VBT

II. Nội dung:

- Đọc bản vẽ chi tiết côn có ren, ghi các nội dung cần tìm hiểu vào mẫu như bảng 9.1

III. Các bước tiến hành

- Bước 1: Kẻ bảng mẫu 9.1 SGK
- Bước 2: Đọc bản vẽ, hoàn thành **cột 3** của

IV. Nhận xét và đánh giá

IV. Hướng dẫn về nhà(1’)

Tiết 12- Bài 13: BẢN VẼ LẮP

I. Nội dung của bản vẽ lắp

- Bản vẽ lắp là bản vẽ diễn tả hình dạng, kết cấu của một sản phẩm và vị trí tương quan giữa các chi tiết.

- Bản vẽ lắp dùng trong lắp ráp, thiết kế, sử dụng sản phẩm

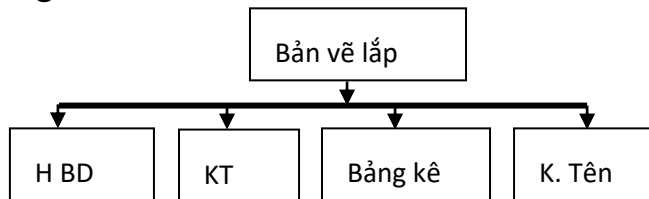
- Nội dung của bản vẽ lắp:

+ Hình bd: Gồm h.chiếu, h cắt diễn tả hd, kc của SP

+ Kích thước: KT chung, KT lắp các ch tiết

+ Bảng kê: Gồm stt, tên gọi chi tiết, số lượng, vl

+ Khung tên: Gồm tên SP, TL, KH, cơ sở thiết kế



10. MÔN GDCD 8 – TUẦN 6

Tiết 6. Chủ đề : TUÂN THỦ THEO KỈ LUẬT VÀ PHÁP LUẬT

Bài 5: PHÁP LUẬT VÀ KỈ LUẬT (Tiết 2)

*** BÀI TẬP HS LÀM VÀO VỞ:**

A. TƯ LUẬN

1. Có người cho rằng pháp luật chỉ cần với những người có tính kỉ luật, tự giác. Còn đối với những người có ý thức kỉ luật thì pháp luật là không cần thiết. Quan niệm đó đúng hay sai? Tại sao?

2. Bản nội quy của nhà trường, những quy định của một cơ quan có thể coi là pháp luật được không?

3. Trong một số buổi sinh hoạt Đội, một số bạn đến chậm:

a) Chi đội trưởng nhắc nhở, phê bình mấy bạn đó thiếu kỉ luật đội.

b) Các bạn nói trên giải thích lại: Đội là hoàn toàn tự nguyện, tự giác không thể coi đến muộn là thiếu kỉ luật

Em đồng tình với chi Đội trưởng hay quan niệm của các bạn đến muộn? Vì sao?

4. Tắc nghẽn giao thông ở một số thành phố hiện nay là do nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân nào liên quan đến ý thức của người tham gia giao thông không? Em thử nêu các biện pháp khắc phục?

5. Em hãy sưu tầm một số tục ngữ, ca dao nói về chấp hành luật kỉ luật?

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Câu tục ngữ: Phép vua thua lệ làng nói đến yếu tố nào?

A. Pháp luật. B. Kỉ luật. C. Chữ tín. D. Liêm khiết.

Câu 2: Quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc, do nhà nước ban hành, được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế được gọi là?

A. Liêm khiết. B. Công bằng. C. Pháp luật. D. Kỉ luật.

Câu 3: Biểu hiện của pháp luật là?

A. Đèn đỏ dừng lại, đèn xanh đi tiếp.

B. Xử phạt những người buôn bán động vật quý hiếm.

C. Bắt giam các đối tượng đua xe trái phép.

D. Cả A, B, C.

Câu 4: Biểu hiện của kỉ luật là?

- A. Nội quy lớp học.
- B. Quy chế thi cử.
- C. Điều lệ của làng, xã do mọi người đặt ra.
- D. Cả A,B,C.

Câu 5: Các hành vi: Buôn bán người qua biên giới, chặt gỗ trong khu du lịch sinh thái, bắt cóc trẻ em vi phạm điều gì?

- A. Vi phạm pháp luật.
- B. Vi phạm kỉ luật.
- C. Vi phạm quy chế.
- D. Vi phạm quy định.

11. MÔN TIN HỌC 8 – TUẦN 6

Bài thực hành 2. VIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐỂ TÍNH TOÁN

Bài 1. Luyện gõ các biểu thức số học trong chương trình Pascal.

- Viết các biểu thức toán học sau đây dưới dạng biểu thức trong Pascal?

- a) $15 \times 4 - 30 + 12$;
- b) $\frac{10+5}{3+1} - \frac{18}{5+1}$
- c) $\frac{(10+2)^2}{(3+1)}$;
- d) $\frac{(10+2)^2 - 24}{(3+1)}$.

- Khởi động Turbo Pascal và gõ chương trình sau để tính các biểu thức trên

```
begin
    clrscr;
    writeln('15*4-30+12=', (15*4)-30+12);
    writeln('(10-5)/(3+1)-18/(5+1)=' , (10-5)/(3+1)-18/(5+1):0:0);
    writeln('(10+2)*(10+2)/(3+1)=' , (10+2)*(10+2)/(3+1):0:0);
    writeln('((10+2)*(10+2)-24)/(3+1)=' , ((10+2)*(10+2)-24)/(3+1):0:0);
    readln;
end.
```

- Lưu chương trình trên với tên CT2.pas. Dịch, chạy chương trình và kiểm tra kết quả nhận được trên máy tính.

Bài 2. Tìm hiểu các phép chia lấy phần nguyên và phép chia lấy phần dư với số nguyên. Sử dụng các câu lệnh tạm ngừng chương trình.

- Mở tệp mới và gõ chương trình sau đây:

```
Program Bai2;
uses crt;
begin
    clrscr;
    writeln('16/3=', 16/3);
    writeln('16 div 3=', 16 div 3);
    writeln('16 mod 3=', 16 mod 3);
    writeln('16 mod 3=', 16-(16 div 3)*3);
    writeln('16 div 3=', (16-(16 mod 3))/3);
    readln;
end.
```

- Dịch và chạy chương trình. Quan sát kết quả nhận được trên máy tính.

- Thêm các câu lệnh **delay(5000)** vào sau mỗi câu lệnh writeln trong chương trình trên. Dịch và chạy chương trình. Quan sát kết quả nhận được trên máy tính.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

- Thêm câu lệnh **readln** vào chương trình (trước từ khóa **end**). Dịch và chạy chương trình. Quan sát kết quả nhận được trên máy tính.

Chú ý:

+ **delay(x)**: Tạm ngừng chương trình trong vòng x/1000 giây.

+ **read or readln** : Tạm ngừng chương trình cho đến khi người dùng nhấn phím Enter.

+ **writeln(<giá trị thực > : n : m)** : Dùng để điều khiển cách in trên màn hình, n qui định độ rộng in số, m là chữ số thập phân.

Bài 3. Tìm hiểu thêm về cách in dữ liệu ra màn hình.

Mở lại tệp chương trình CT2.pas và sửa 3 câu lệnh cuối (trước từ khoá **End**) thành:

```
writeln((10+5)/(3+1)-18/(5+1):4:2);  
writeln((10+2)*(10+2)/(3+1):4:2);  
writeln(((10+2)*(10+2)-24)/(3+1):4:2);
```

Dịch và chạy chương trình sau đó quan sát kết quả

12. MÔN ÂM NHẠC 8 – TUẦN 6

- Ôn tập bài hát: *Lí Dĩa Bánh Bò*

- Ôn tập Tập đọc nhạc: *TĐN Số 2*

- Âm nhạc thường thức: *Nhạc sĩ Hoàng Vân và bài hát*

Hồ kéo pháo

I. Ôn tập bài hát: Lí dĩa bánh bò

- HS ôn lại bài hát kết hợp gõ đệm nhịp, phách theo lời bài hát

- HS hát kết hợp vận động phụ họa theo lời bài hát (*HS tự thực hiện*)

II. Ôn tập đọc nhạc: Trở về Su – ri – en – tô (bài hát I – ta – li – a)

HS ôn lại bài TĐN kết hợp gõ đệm nhịp, phách và tiết tấu theo bài TĐN số 2

III. Âm nhạc thường thức:

1. Nhạc sĩ Hoàng Vân:

- Tên thật là Lê Văn Ngọc (bút danh: Y-na). Sinh năm 1930, tại Hà Nội

- Một số tác phẩm tiêu biểu: Hồ kéo pháo, Quảng Bình quê ta ơi, Tôi là người thợ mỏ, Tình ca Tây nguyên, Ca ngợi Tổ quốc, Em yêu trường em,...

- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật

2. Bài hát Hồ kéo pháo:

- Sáng tác năm 1954 ở Điện Biên Phủ

- Nội dung bài hát (SGK)

13. MÔN MỸ THUẬT 8 – TUẦN 6

BÀI 7: VẼ THEO MẪU

VẼ TĨNH VẬT (LỌ VÀ QUẢ)

(Tiết 1-Vẽ hình)

I. **Quan sát – nhận xét:**(HS tự học có hướng dẫn trong Sgk/98)

II. **Cách vẽ hình:**(HS tự học có hướng dẫn trong Sgk/99)

- Vẽ phác khung hình chung cho 2 vật mẫu.
- Vẽ khung hình riêng của từng vật mẫu, chia tỷ lệ các bộ phận.
- Vẽ phác hình bằng các nét thẳng mờ.
- Vẽ hình lọ và quả bằng nét thẳng và nét cong.
- Vẽ chi tiết.

III. Thực hành:

Vẽ tĩnh vật: Lọ và quả (Vẽ hình)

14. MÔN THỂ DỤC 8 – TUẦN 6

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN – CHẠY BỀN

NỘI DUNG:

- Biết cách thực hiện các động tác bài TD từ 1 đến 35.
 - Biết cách thực hiện: chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau. Trò chơi “Chạy lò cò tiếp sức”, xuất phát thấp – chạy lao – chạy giữa quãng – chạy về đích và đánh đích (60m).
 - Biết cách thực hiện: chạy trên địa hình tự nhiên.

| NỘI DUNG BÀI HỌC |
|--|
| <p>1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :</p> <p>*Nội dung 1 :<i>Bài thể dục</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn : Từ nhịp 1-35 <p>*Nội dung 2 : <i>Chạy ngắn</i>: ôn tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư thế sẵn sàng - xuất phát. - Tập luyện hoàn chỉnh: Xuất phát - chạy lao- chạy giữa quãng- chạy về đích (60m). - Trò chơi: “ Chạy lò cò tiếp sức ”. <p>* Nội dung 3 : <i>Chạy bền</i>:</p> <p>Chạy trên địa hình tự nhiên</p> |
| <p>2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>*Nội dung 1 :<i>Bài thể dục</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập : từ nhịp 1- 35 (nhóm 2) + yêu cầu : chỉ huy nhóm tập thay đổi phương hướng tập luyện và chia nhỏ nhóm ra để tự ôn tập. <p>*Nội dung 2 : <i>Chạy ngắn</i>: ôn tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài tập 1 : tư thế sẵn sàng – xuất phát + Bài tập 2 : tập luyện hoàn chỉnh : 4 giai đoạn của chạy ngắn. + Bài tập 3 : trò chơi : lò cò tiếp sức <p>* Nội dung 3 : <i>Chạy bền</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - luyện tập chạy bền trên địa hình tự nhiên: Chạy quanh sân tập , cự li từ 800m Nữ – 1000m Nam |
| <p>3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kĩ thuật chạy ngắn , ôn 35 động tác bài thể dục , chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra. |

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN

NỘI DUNG:

- Biết cách thực hiện các động tác bài TD từ 1 đến 35.
- Biết cách thở đúng khi thực hiện các động tác trong bài
- Biết được kĩ thuật về đích đúng luật, đúng kĩ thuật.
- Biết vận dụng để tự tập luyện hằng ngày và có thể trình diễn trong ngày hội thể thao.

| NỘI DUNG BÀI HỌC |
|--|
| <p>1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:</p> <p>*Nội dung 1 : <i>Bài thể dục</i>:</p> |

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 6

- Ôn : Từ nhịp 1-35

***Nội dung 2 : Chạy ngắn:** ôn tập

- Tư thế sẵn sàng - xuất phát.

- Tập luyện hoàn chỉnh: Xuất thấp - chạy lao- chạy giữa quãng- chạy về đích (60m).

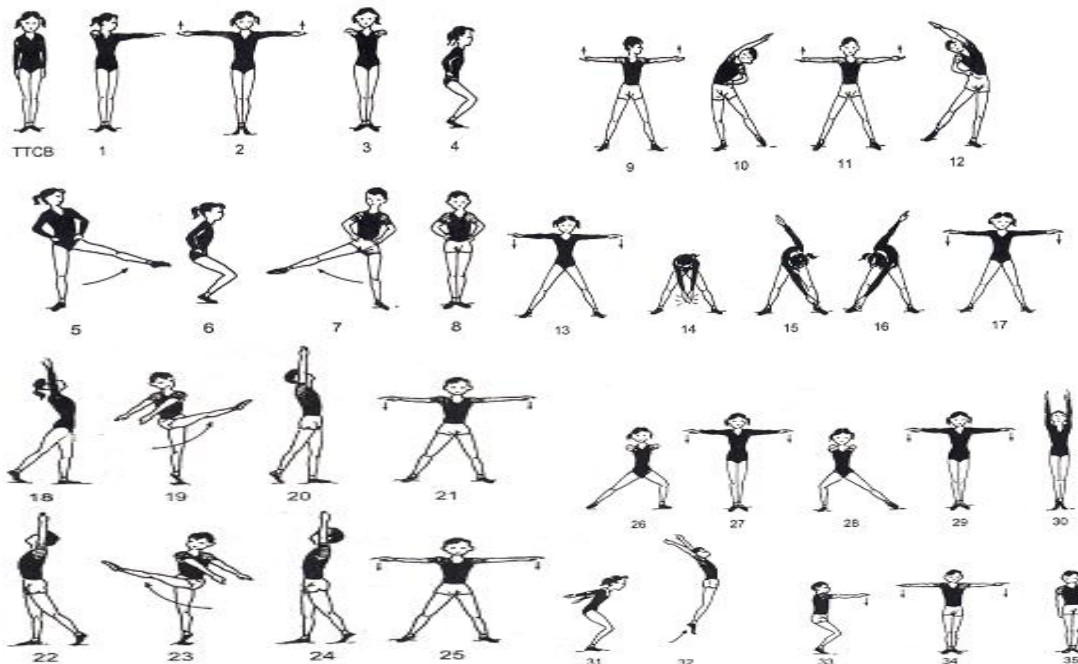
- Trò chơi: “ Chạy lò cò tiếp sức ”.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

***Nội dung 1 : Bài thể dục:**

- Ôn tập : từ nhịp 1- 35 (nhóm 2)

+ yêu cầu : chỉ huy nhóm tập thay đổi phương hướng tập luyện và chia nhỏ nhóm ra để tự ôn tập.



***Nội dung 2 : Chạy ngắn:** ôn tập

+ Bài tập 1 : tư thế sẵn sàng – xuất phát

+ Bài tập 2 : tập luyện hoàn chỉnh : 4 giai đoạn của chạy ngắn.

+ Bài tập 3 : trò chơi : lò cò tiếp sức

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn. chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra.

- Ôn 35 động tác bài thể dục .